

Bản án số: 42/2023/DS-ST

Ngày 11-9-2023

V/v “Tranh chấp về thừa kế tài sản,
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Nhạc;

2. Ông Trương Vĩnh Kỳ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023; Thông báo hoãn phiên tòa số 158/TB-TA ngày 23 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số A H, tổ D, khu phố D, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Ông Trần Văn H1, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: A khu phố E, phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Lê Phan H2, sinh năm 1993

Địa chỉ: D đường E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 13/3/2023)

- **Bị đơn:**

+ Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1955

Địa chỉ: Tổ E, khu phố E, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

+ Ông Nguyễn Tấn C, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà A đường N, tổ D, khu phố E, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1948; địa chỉ: Tổ C, khu phố F, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M: Ông Nguyễn Tấn C, sinh năm 1980; địa chỉ: Số nhà A đường N, tổ D, khu phố E, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1950; địa chỉ: Số A đường D, tổ D, khu phố E, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964; địa chỉ: Số A đường N, tổ D, khu phố D, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1968; địa chỉ: Số nhà A đường H, tổ E, khu phố F, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

+ Bà Lại Thị M1, sinh năm 1976 (vợ ông C); địa chỉ: Số nhà A đường N, tổ D, khu phố E, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

+ Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận;

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành H5 là Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Tất cả các đương sự khác đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H là con ruột của cụ Nguyễn K, sinh năm 1920 (chết ngày 18/4/2000, theo giấy chứng tử số 12 ngày 06/3/2002) và cụ Hồ Thị M2, sinh năm 1924 (chết ngày 29/12/2001, theo giấy chứng tử số 11, ngày 05/3/2002).

Cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 có 12 người con chung nhưng 05 người con đã chết từ khi còn rất nhỏ và 01 người con là ông Nguyễn T đã hy sinh năm 1973, theo giấy xác nhận của phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Đ, tỉnh Bình Thuận ngày 6/8/2020. Ông T hy sinh khi chưa lập gia đình. Còn lại 06 người con chung là: bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H4.

Ngoài những người có tên nêu trên, thì cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 không còn người con ruột, con riêng hay con nuôi nào khác, chỉ những người có tên nêu trên là hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 theo quy định của pháp luật.

Thời kỳ chế độ cũ, cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 được Chính quyền cũ cấp cho diện tích đất để làm nhà ở. Đến ngày 04/6/1994, Ủy ban nhân dân huyện Đ có quyết định số 130/QĐ-UBND, về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 15-17 hộ cá nhân tại thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, trong đó cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 được cấp thửa đất số 1207, tờ bản đồ số 01, diện tích 441m², tọa lạc tại khu phố E, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Năm 2007, sau khi cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 chết thì ông Nguyễn Tấn C xin về ở tạm trên diện tích đất trên.

Năm 2020, sau khi nội bộ gia đình xảy ra tranh chấp thì bà Nguyễn Thị H mới phát hiện ông Nguyễn Văn C1 đã tự ý đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1207, tờ bản đồ số 01, diện tích 441m² nêu trên và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 839635 ngày 06/4/1994 đứng tên ông Nguyễn Tấn C

Bà H xác định thửa đất số 1207, tờ bản đồ số 01, diện tích 441m² tọa lạc tại khu phố E, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận là di sản thừa kế của cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2. Khi chết, cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 không để lại di chúc, việc ông Nguyễn Văn C1 tự ý đăng ký quyền sử dụng đất đối với di sản thừa kế của cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia di sản thừa kế phần đất do cha mẹ bà là cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 chết để lại là thửa đất số 1207, tờ bản đồ số 01, diện tích 441m², tọa lạc tại khu phố E, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm 06 người con: bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị H4.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 839635 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 04/6/1994 đứng tên ông Nguyễn Tấn C.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn H3 trình bày:

Ông là con ruột của cụ Nguyễn K, sinh năm 1920 (chết năm 2000, theo giấy chứng tử số 12 ngày 06/3/2002) và cụ Hồ Thị M2, sinh năm 1924 (chết năm 2001, theo giấy chứng tử số 11, ngày 05/3/2002)

Ông thống nhất về hàng thừa kế và di sản thừa kế như nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày. Tuy nhiên, khi cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 còn sống đã chia đều phần đất cho tất cả các anh chị em. Cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 khi còn sống có nói bằng miệng là cho diện tích đang tranh chấp và căn nhà tình nghĩa trên đất cho con trai ông là Nguyễn Tấn C. Sau khi cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 chết, ông có họp gia đình thì anh em ông có thống nhất lập văn

bản giao thừa đất số 1207, tờ bản đồ số 01, diện tích 441m² tọa lạc tại khu phố E, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và căn nhà trên đất cho ông để thờ cúng, hiện nay biên bản họp gia đình đã thất lạc. Cùng năm 2002, ông giao lại căn nhà và đất này cho con trai ông là Nguyễn Tấn C ở từ đó đến nay. Ông không đồng ý với việc khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Tấn C trình bày:

Ông thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Văn H3. Ông không đồng ý với việc khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày: Thống nhất như lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Văn H3 về nguồn gốc di sản cũng như các hàng thừa kế. Bà không đồng ý với việc khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, mà có nguyện vọng để di sản cho ông Nguyễn Tấn C sử dụng, thờ cúng.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q trình bày: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về nguồn gốc di sản cũng như các hàng thừa kế. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trình bày: Tại bản khai bà Nguyễn Thị P đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H, đồng ý yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và giao phần di sản cho bà H, sau đó bà P thay đổi lời khai và tại phiên tòa bà Phan thống nhất như lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Văn H3 về nguồn gốc di sản cũng như các hàng thừa kế. Bà không đồng ý với việc khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, mà có nguyện vọng để di sản cho ông Nguyễn Tấn C sử dụng, thờ cúng.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H4 trình bày: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về nguồn gốc di sản cũng như các hàng thừa kế. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lại Thị M1 trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Tấn C. Bà thống nhất ý kiến của ông Nguyễn Tấn C, không đồng ý với việc khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận trình bày:

Vào thời Dinh Điền chế độ cũ năm 1960 đã cấp thửa đất cho hộ cụ Nguyễn K, cụ Hồ Thị M2; hộ cụ Nguyễn K sử dụng đến ngày 04/6/1994 được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 592017 mang tên cụ Nguyễn K. Cụ Nguyễn K, cụ Hồ Thị M2; sử dụng và sinh sống ổn định trên thửa đất số 1207, tờ bản đồ số 01, diện tích 441m² cho đến khi chết (cụ Nguyễn K chết năm 2000, cụ Hồ Thị M2 chết năm 2001). Sau khi cụ Nguyễn K, cụ Hồ Thị M2 chết, ngày 03/3/2002 ông Nguyễn Văn H3 có đơn xin thừa kế quyền sử dụng ruộng đất của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 592017 thuộc thửa đất số 1207, tờ bản đồ số 01, diện tích 441m² cho ông Nguyễn Tấn C (con trai

ông H3) và được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 839635 tại Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 04/6/1994.

Qua kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 592017 mang tên cụ Nguyễn K tại Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 04/6/1994 thì trình tự, thủ tục đảm bảo theo đúng quy định.

Theo đơn xin thừa kế quyền sử dụng ruộng đất ghi ngày 03/3/2002 của ông Nguyễn Văn H3 và được UBND thị trấn V xác nhận ngày 11/3/2002 nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 839635 mang tên hộ ông Nguyễn Tấn C lại được cấp tại Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 04/6/1994 của UBND huyện Đ là không phù hợp về mặt thời gian. Đồng thời qua kiểm tra tại danh sách cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 04/6/1994 của UBND huyện Đ cũng không có tên ông Nguyễn Tấn C.

Do đó, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 839635 mang tên hộ ông Nguyễn Tấn C được UBND huyện Đ cấp tại Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 04/6/1994 là không phù hợp với hồ sơ lưu được thể hiện, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 839635 theo quy định.

Quá trình hòa giải, các đương sự không thống nhất về toàn bộ vấn đề, đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản thừa kế theo giá trị đất đã được thẩm định giá, đối với tài sản trên đất của ông C xây dựng, không yêu cầu chia và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Tấn C, giao phần di sản cho bà H quản lý, bà H sẽ hoàn lại giá trị di sản cho các đồng thừa kế.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H3 trình bày: Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nguồn gốc đất của cha mẹ ông để lại cho ông, phần đất và nhà trên phải để lại thờ cúng ông bà cha mẹ ông, các em ông trước đây có đất của cha mẹ cho nên ông không đồng ý chia phần đất có căn nhà mà hiện nay ông Nguyễn Tấn C đang ở. Hơn nữa phần đất trên trước đây các em ông cũng thỏa thuận đồng ý cho cháu C ở, để thờ cúng nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn C trình bày: ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện vì căn nhà và đất trên cha ông là Nguyễn Văn H3 đã cho ông ở để thờ cúng ông bà nội ông, ông là cháu nội đích tôn và nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông. Ông yêu cầu Tòa án xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị M, bà Lại Thị M1 yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H4, Nguyễn Thị Q: yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H chia phần di sản thừa kế cho các đồng thừa kế theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và các đồng thừa kế khác gồm bà Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị H4 là có căn cứ, xác định căn nhà và đất tọa lạc tại khu phố E, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận là di sản thừa kế của các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm 06 người con: bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị H4. Giá trị di sản là quyền sử dụng đất phân chia và tính công sức bảo quản gìn giữ di sản của ông Nguyễn Tấn C được tính bằng 01 phần của kỷ phần thừa kế nên yêu cầu chia giá trị di sản làm 07 phần bằng nhau và giao nhà và đất cho ông Nguyễn Tấn C quản lý sử dụng. Đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 839635 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 06/4/1994 đứng tên ông Nguyễn Tấn C

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 là thửa đất số 1207, tờ bản đồ số 1, diện tích 441m², tọa lạc tại khu phố E, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm 06 người con: bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị H4 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 839635 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 06/4/1994 đứng tên ông Nguyễn Tấn C

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp “Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Về di sản thừa kế:

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 có tạo dựng khối tài sản chung là thửa đất số 1207, tờ bản đồ số 1, diện tích 441m² (đo đạc thực tế 502,3m²), tọa lạc tại khu phố E, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, theo Quyết định số 130/QĐ-

UBDL ngày 04/6/1994 của UBND huyện Đ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 592017 do UBND huyện Đ cấp mang tên cụ Nguyễn K.

Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH H6 ngày 27/6/2023 thì quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có giá trị như sau:

- Quyền sử dụng đất qua đo đạc thực tế là 502,3m², trị giá 1.525.987.400 đồng.

- Tài sản trên đất:

- + Nhà ở trước diện tích 54,02 m² trị giá 28.810.667 đồng.

- + Nhà ở sau diện tích 25,9 m² trị giá 33.152.000 đồng.

- + Chuồng heo 1 diện tích 18 m² trị giá 0 đồng.

- + Chuồng heo 2 diện tích 10,4 m² trị giá 0 đồng.

Tổng giá trị là 1.587.950.067 đồng.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa các đồng thừa kế đều xác định trước đây trên diện tích đất tranh chấp có căn nhà tình nghĩa do cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 để lại, ngoài quyền sử dụng đất nêu trên cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 không để lại di sản nào khác. Tuy nhiên, qua xem xét, thẩm định tại chỗ thì căn nhà tình nghĩa không còn nữa, tài sản trên đất chỉ còn mái ngói của căn nhà, tường vách đều do ông Nguyễn Tấn C sửa chữa, xây dựng thêm căn nhà phía sau. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H cũng chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp có diện tích 441m² do cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 để lại.

Tại phiên tòa các đương sự đều xác định phần diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp có diện tích 441m², phần diện tích đo đạc thực tế là 502,3m² do các đương sự chỉ dẫn phát sinh thêm phần diện tích cạnh bên đất (phía gần nhà ông H3) nên nguyên đơn bà H và những người có quyền lợi liên quan khác bà H4, bà Q chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết phần thừa kế là giá trị di sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 441m² theo giá của Chứng thư thẩm định đã định giá vào tháng 6/2023.

Bị đơn ông H3, ông C, bà P không đồng ý phân chia di sản thừa kế và không đồng ý giá của Chứng thư thẩm định đã định giá vào tháng 6/2023 và cho rằng giá thẩm định về giá đất là quá cao, tuy nhiên Hội đồng xét xử đã giải thích về việc đương sự được quyền yêu cầu định giá lại tài sản theo quy định thì các đương sự ông H3, ông C không có yêu cầu định giá lại tài sản và cũng không cung cấp tài liệu liên quan đến việc so sánh giá trị đất cùng thời điểm. Do đó hội đồng xét xử căn cứ vào giá của Chứng thư thẩm định đã định giá.

Như vậy, tổng giá trị di sản thừa kế là Q1 sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 441m² x 3.038.000đồng = 1.339.758.000đồng.

[2.2] Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện chia thừa kế:

Cụ Nguyễn K chết ngày 18/4/2000, cụ Hồ Thị M2 chết ngày 29/12/2001 nên thời điểm mở thừa kế là ngày 29/12/2001. Đến ngày 20/8/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là còn thời hiệu khởi kiện theo khoản 1 Điều 611, khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Về hàng thừa kế:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, các bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất mỗi quan hệ huyết thống, cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 chung sống với nhau có 12 người con chung nhưng 05 người con đã chết từ khi còn rất nhỏ và 01 người con là ông Nguyễn T đã hy sinh năm 1973, (theo giấy xác nhận của phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Đ, tỉnh Bình Thuận ngày 6/8/2020). Ông T hy sinh khi chưa lập gia đình. Còn lại 06 người con chung là: bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H4. Ngoài những người có tên nêu trên, thì cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 không còn người con ruột, con riêng hay con nuôi nào khác. Do đó, xác định bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H4 là hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về yêu cầu chia di sản thừa kế:

Cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 chết không để lại di chúc, tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H3 khai nại cho rằng sau khi cha mẹ chết các anh chị em đã có văn bản thỏa thuận về việc giao căn nhà và đất của cha mẹ cho cháu nội là Nguyễn Tấn C sử dụng, quản lý nhưng ông H3 không cung cấp văn bản thỏa thuận việc giao nhà của cha mẹ và có chữ ký các tất cả các anh chị em cùng hàng thừa kế thứ nhất. Tuy nhiên, tài liệu chứng cứ do UBND huyện Đ, tỉnh Bình Thuận cung cấp cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nguyễn Tấn C thể hiện có văn bản thỏa thuận có chữ ký của ông H3, bà P (ký tên C2), bà H4 thống nhất về việc giao nhà và đất của cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 cho ông C quản lý có xác nhận của UBND thị trấn V, huyện Đ vào ngày 11/3/2002 (Bút lục 159), các đồng thừa kế khác bà H, bà H4, bà Q chưa thỏa thuận định đoạt đối với tài sản trên. Cho nên, việc khai nại của ông H3 không có căn cứ chấp nhận về việc các đồng thừa kế đã thống nhất giao tài sản của cha mẹ ông cho cháu nội là Nguyễn Tấn C. Do đó, Hội đồng xét xử xác định di sản của cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 được chia thừa kế theo pháp luật.

Ông Nguyễn Tấn C sau khi kết hôn với bà Lại Thị M1 thì đến căn nhà trên sinh sống (năm 2003 - sau khi cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 đã chết) quá trình sử dụng quản lý căn nhà vợ chồng ông C đã thay đổi hiện trạng căn nhà tình nghĩa cũ, đã sửa chữa, làm mới căn nhà và xây thêm chuồng heo.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H trình bày ông Nguyễn Tấn C là người trực tiếp quản lý, bảo quản gìn giữ, di sản sau khi cha mẹ bà chết nên cần tính cho ông C 01 kỷ phần trong khối di sản thừa kế của các đồng thừa kế và yêu cầu chia tỷ lệ phần và được các bà Q, bà H4 đều thống nhất.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Q và bà Nguyễn Thị H4 về việc chia cho ông Nguyễn Tấn C 01 phần trong khối di sản thừa kế. Mặc dù ông C không phải là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, trong quá trình giải quyết không yêu cầu tính công sức gìn giữ tôn tạo di sản nhưng ông C là người trực tiếp quản lý di sản. Do đó yêu cầu của bà H, bà Q và bà H4 là phù hợp với quy định pháp luật về nguyên tắc chia di sản thừa kế tính công sức của người quản lý di sản và vận dụng tinh thần Án lệ số 05/2016 nên Hội đồng xét xử chia kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Tấn C cũng được hưởng 01 phần di sản thừa kế là phù hợp.

Giá trị di sản là giá trị quyền sử dụng đất là 1.339.758.000đồng thì 06 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 và 01 phần giá trị công sức bảo quản gìn giữ, di sản là 07 phần, chia di sản được hưởng phần bằng nhau. Như vậy mỗi người sẽ được hưởng di sản trị giá: $1.339.758.000 \text{ đồng} : 7 \text{ phần} = 191.394.000 \text{ đồng}$.

Do ông Nguyễn Tấn C cùng gia đình vợ con quản lý diện tích đất này từ khi cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 chết đến nay, trên đất cũng có những tài sản khác là căn nhà, chuồng heo do ông Nguyễn Tấn C và bà Lại Thị M1 xây dựng, sửa chữa. Ngoài nơi ở này thì gia đình ông C không có nơi ở nào khác, ông cũng mong muốn tiếp tục được ở trên căn nhà này, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 cũng đã có chỗ ở ổn định, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có nhu cầu sử dụng căn nhà và đất nhưng bà xác định bà còn có căn nhà khác, các đồng thừa kế khác cũng mong muốn giao lại căn nhà cho ông Nguyễn Tấn C. Do vợ chồng ông C và các con cùng chung sống với nhau trên tài sản là di sản thừa kế nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải giao căn nhà, tài sản trên đất và diện tích đất này cho ông vợ chồng Nguyễn Tấn C được quyền sử dụng và định đoạt, đồng thời buộc vợ chồng ông Nguyễn Tấn C phải hoàn trả giá trị bằng tiền cho những người thừa kế gồm bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H4 với số tiền mà các ông bà được hưởng theo phần bằng nhau như phân tích trên là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 839635 ngày 04/6/1994, thấy rằng ;

Theo công văn số 3679/UBND-NC ngày 20/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, nguồn gốc thửa đất số 1207 tờ bản đồ số 01, diện tích 441m² có vào thời Dinh Điền chế độ cũ năm 1960, đã cấp cho cụ Nguyễn K, bà Hồ Thị M2 và hộ ông Nguyễn K sử dụng đến ngày 04/6/1994 thể hiện tại Quyết định số 130/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 592017 ngày 04/6/1994 của UBND huyện Đ đã cấp cho cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 thửa đất số 1207, tờ bản đồ số 01, diện tích 441m².

Việc cấp giấy cho ông Nguyễn Tấn C theo đơn xin thừa kế ruộng đất ghi ngày 03/3/2002 của ông Nguyễn Văn H3 được thị trấn V xác nhận ngày 11/3/2002 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 839635 cho ông C

được cấp theo Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 04/6/1994 của UBND huyện Đ. Tuy nhiên, danh sách cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 04/6/1994 của UBND huyện Đ không có tên ông Nguyễn Tấn C. Mặt khác, ông Nguyễn Tấn C sinh năm 1979, đối chiếu về mặt thời gian khi ông C được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 839635 ngày 04/6/1994 thì khi đó ông C mới 15 tuổi là không phù hợp và tại thời điểm này thì UBND huyện Đ đã cấp thửa đất số 1207, tờ bản đồ số 01, diện tích 441m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 592017 ngày 04/6/1994 mang tên cụ Nguyễn K (bút lục 156) và ông C cũng không cung cấp được tài liệu về việc cụ K tặng cho tài sản là thửa đất diện tích 441m² nên việc UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 839635 ngày 04/6/1994 mang tên hộ ông Nguyễn Tấn C đối với thửa đất số 1207, tờ bản đồ số 01, diện tích 441m² là không đúng quy định của pháp luật và cũng được UBND huyện Đ đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 839635 mang tên ông Nguyễn Tấn C nên cần phải tuyên hủy.

Do Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế và vợ chồng C có nhu cầu tiếp tục sử dụng căn nhà và đất nên giao tài sản trên đất và diện tích đất là di sản thừa kế cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn C nên vợ chồng ông Nguyễn Tấn C có quyền và nghĩa vụ liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký lại quyền sử dụng đất và nhà ở theo quy định pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H về việc chia thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị H đã chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản với số tiền 26.651.000đồng, tại phiên tòa bà H tự nguyện đồng ý chịu toàn bộ chi phí tố tụng, không yêu cầu các đồng thừa kế khác phải hoàn lại nên Tòa không buộc các đồng thừa kế hoàn trả tiền chi phí tố tụng về chia thừa kế theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí:

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần di sản được nhận.

Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn H3 là người cao tuổi nhưng không có đơn đề nghị miễn án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 611, khoản 1 Điều 623, Điều 650, Điều 651, Điều 658 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 12, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 là thửa đất số 1207, tờ bản đồ số 1, diện tích 441m², tọa lạc tại khu phố E, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị H4.

Thanh toán cho ông Nguyễn Tấn C 01 kỳ phần thừa kế giá trị di sản về công sức giữ gìn, bảo quản di sản.

Chia cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn C được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ khối di sản của cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2 gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 1207, tờ bản đồ số 1, diện tích 441m² tọa lạc tại khu phố E, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 04/6/1994 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 592017 ngày 04/6/1994 mang tên cụ Nguyễn K của Ủy ban nhân dân huyện Đ. Tổng giá trị di sản thừa kế là: 1.339.758.000đồng.

Vợ chồng ông Nguyễn Tấn C có quyền và nghĩa vụ liên hệ các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất và nhà ở theo quy định pháp luật.

Vợ chồng ông Nguyễn Tấn C có nghĩa vụ thanh toán cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn K và cụ Hồ Thị M2, cụ thể như sau:

- + Bà Nguyễn Thị H: 191.394.000 đồng.
- + Bà Nguyễn Thị M: 191.394.000 đồng.
- + Bà Nguyễn Thị Q: 191.394.000 đồng.
- + Ông Nguyễn Văn H3: 191.394.000 đồng.
- + Bà Nguyễn Thị P: 191.394.000 đồng.
- + Bà Nguyễn Thị H4: 191.394.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 839635 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 04/6/1994 mang tên hộ ông Nguyễn Tấn C.

3. Về chi phí tố tụng: Các bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị H4, Nguyễn Tấn C không phải hoàn trả chi phí tố tụng cho bà Nguyễn Thị H.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.569.700đồng nhưng được trừ vào số tiền 2.075.000đồng đã tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008914 ngày 15/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận nên bà H còn phải nộp số tiền 7.494.700đồng.

Ông Nguyễn Tấn C, bà Lại Thị M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.569.700đồng.

Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị H4, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.569.700đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thái